KHẢO SÁT Ý NGHĨA CỦA CÂU KẾT THÚC BẰNG TRỢ TỪ "*KEDO*" TRONG TIẾNG NHẬT

NGUYỄN THỊ HẢI YẾN♣

I- Mở đầu

Trong những năm gần đây, phong trào học tập tiếng Nhật phát triển mạnh mẽ. Tiếng Nhật được đánh giá là ngôn ngữ tương đối khó đối với người Việt Nam. Không ít sinh viên Việt Nam học 4 năm tiếng Nhật ở trường đại học nhưng khi ra trường vẫn chưa thể sử dụng được tiếng Nhật ở mức độ bình thường. Câu nói "日本語は面白いけど難しい" (Tiếng Nhật thú vị nhưng khó) dường như là câu cửa miệng của những người học tiếng Nhật. Tiếng Nhật có một hệ thống chữ viết và ngữ pháp rất phức tạp. Vì thế, việc nghiên cứu để làm sáng tỏ những yếu tố gây khó khăn cho người học tiếng Nhật là nhiệm vụ không thể thiếu đối với mỗi giáo viên giảng dạy ngôn ngữ này.

Trong tiếng Nhật có rất nhiều mẫu câu, ngữ pháp người học tiếng Nhật từng nghe, thấy, và sử dụng rất nhiều nhưng lại hoàn toàn không hiểu rõ về ý nghĩa của nó. Đơn thuần họ chỉ sử dụng theo thói quen. Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* là một trong những minh chứng điều đó. Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi muốn tiến hành khảo sát một số ý nghĩa của câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"*.

II- Khảo sát ý nghĩa câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"*

Trong các từ điển và các tài liệu ngữ pháp, "けど、けれども、けれど" được gọi là trợ từ nối hai mệnh đề. Tuy nhiên, trong văn phong hội thoại chúng ta có thể quan sát thấy cách sử dụng câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* như sau:

♣ ThS. Trường Đại học Hà Nội

Tình huống 1: Cô y tá bước vào phòng và thấy bác sĩ đang nói chuyện với một người bạn.

Y tá: 先生、会議が始まりますけど。 (Thưa bác sĩ, cuộc họp sắp bắt đầu rồi ạ)

Bác sĩ: すぐ行く。 (Vâng, tôi đi ngay đây)

Trong một số nghiên cứu, người ta coi phát ngôn của cô y tá trên là một câu và nó được gọi là câu tỉnh lược, câu kết thúc bằng trợ từ, câu không có mệnh đề chính... Rất nhiều các phân tích về đặc tính của loại câu này được phân tích dựa trên nguyên tắc cơ bản: phân tích xem trong câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"*, yếu tố đảm nhiệm chức năng thông báo nội dung chủ yếu nằm ở mệnh đề có xuất hiện trợ từ *"kedo"* hay ở mệnh đề chính bị ẩn đi. Ví dụ:

Tình huống 2: Anh cảnh sát phát hiện thấy một chiếc xe vi phạm quy định đỗ xe đã hỏi một người gần đó:

(1) Cảnh sát: 表の車、おたくたちの。 (Chiếc xe đằng trước kia của nhà anh à?)

Người chồng: 白いのですか。そうですけど。 (Chiếc xe màu trắng à? Đúng vậy ạ.)

Người vợ khi thấy chồng không nói được câu nào với cảnh sát trong tình huống đó đã phàn nàn:

(2) Vợ: いいたかないけどさ、男ってのはこういう時もっと言ってくれるもんだと思ってたけどね。(Em không muốn nói, nhưng mà là người đàn ông trong những lúc như thế lẽ ra phải giải thích chứ.)

Chồng: そんなこと言ったって、お前相手は警察ー (Em nói thế à? Đấy là cảnh sát cơ mà.)

Trong cuộc thoại (1) mục đích phát ngôn của người chồng là trả lời câu hỏi của cảnh sát. Vì thế, trợ từ *"kedo"* được sử dụng ở đây mang chức năng trả lời. Thế nhưng, ở cuộc thoại (2), mục đích phát ngôn của người vợ không phải là thông báo cho người chồng biết quan điểm của mình là "男ってのはこういう時もっと言ってくれるもんだ" (là người đàn ông trong những lúc như thế lẽ ra phải giải thích), mà trước việc người chồng hành động trái với mong đợi của mình, người vợ muốn người chồng nhận thức về điều đó. Nhưng thực tế cho thấy mệnh đề chính ở đây đã bị ẩn đi. Ta có thể khôi phục lại mệnh đề chính như sau: "どうして何も言わなかったのか" (Tại sao anh lại chẳng nói gì?)

Qua hai cuộc thoại có sử dụng câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* như ở trên, ta có thể thấy rõ được hai cách sử dụng trợ từ *"kedo"* với hai mục đích phát ngôn hoàn toàn khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi muốn chia câu kết thúc bằng *"kedo"* ra làm hai loại để phân tích. Đó là câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* sử dụng để bắt đầu cuộc thoại và câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* với mục đích trả lời.

1. Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* được sử dụng để bắt đầu cuộc thoại

Trong trường hợp trợ từ *"kedo"* được sử dụng khi bắt đầu cuộc thoại có thể thấy nó mang hai chức năng: trình bày ý kiến, phán đoán của người nói và cung cấp thông tin trước khi phát ngôn yêu cầu đối tác việc gì đó.

1.1. Trình bày ý kiến của người nói

Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* với chức năng trình bày ý kiến của người nói sẽ ẩn chứa yếu tố so sánh. Ta có thể suy đoán nội dung của mệnh đề chính bị ẩn đi trong câu thông qua ý nghĩa của trợ từ *"kedo"*. Chúng ta xem lại ví dụ đã được nêu ở trên.

Người vợ khi thấy chồng không nói được câu nào với cảnh sát trong tình huống đó đã phàn nàn:

(2) Vợ: いいたかないけどさ、男ってのはこういう時もっと言ってくれるもんだと思ってたけどね。 (Em không muốn nói nhưng mà là người đàn ông trong những lúc như thế lẽ ra phải giải thích chứ)

Chồng: そんなこと言ったって、お前相手は警察ー (Em nói thế à? Đấy là cảnh sát cơ mà!)

Chúng ta có thể khôi phục lại mệnh đề chính bị ẩn đi mà người phát ngôn muốn truyền đạt ở đây như sau: "ほとんど何も言ってくれなかった" (anh hầu như chẳng nói gì cả). Như vậy "思っていた"đã trở thành yếu tố để so sánh. Đó là sự so sánh giữa "思っていた" với "ほとんど何も言ってくれなかった". Tuy nhiên, trong tình huống giao tiếp như tình huống (2), mệnh đề chính tuy không được phát ngôn ra nhưng bằng việc sử dụng câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* ta có thể nhấn mạnh được ý nghĩa nội dung thông báo của mệnh đề chính.

1.2. Cung cấp thông tin trước khi hỏi, yêu cầu, đề xuất ý kiến

Khi sử dụng câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* với mục đích cung cấp thông tin trước khi hỏi, yêu cầu, đề xuất ý kiến, có thể lược bỏ thành phần chính mang ý nghĩa đó. Trong trường hợp này, thông qua sự suy đoán của người nghe cũng có thể truyền đạt được nội dung cần thông báo mà không quy kết trách nhiệm, không gây khó chịu cho người nghe.

1.2.1. Cung cấp thông tin trước khi phát ngôn với mục đích hỏi

Với loại câu này, mệnh đề chính bị ẩn đi trong câu là câu hỏi muốn người nghe phán đoán về sự tình hay xác nhận thông tin hoặc đưa ra ý kiến đối với ý kiến của người nói

+ Cung cấp thông tin để người nghe phán đoán về sự tình

Tình huống: Cô y tá bước vào căn phòng thấy bác sĩ đang nói chuyện với một người bạn.

Y tá: 先生、会議が始まりますけど。 (Thưa bác sĩ, cuộc họp bắt đầu rồi ạ)

Bác sĩ: すぐ行く。 (Tôi đi ngay đây)

Tình huống: Một nhóm nam nữ tại nhà ăn của một nhà hàng

Nam: ここは昼間休むんです。コーヒーと紅茶しかできないんだけど。

Nữ: 紅茶を。

Quan sát hai tình huống trên ta thấy người nghe có thể hiểu được nội dung mà người nói muốn hỏi thông qua cách sử dụng câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"*. Tuy nhiên, thành phần chính trong câu đã bị ẩn đi. Ta có thể khôi phục lại thành phần chính như sau:

会議が始まります → 会議室へ行きますか／行きませんか

(Cuộc họp sắp bắt đầu → Bác sĩ có đi tới phòng họp hay không?)

コーヒーと紅茶しかできません → どちらかを注文しますか

(Chỉ có cà phê và trà → bạn chọn loại nào?)

+ Muốn người nghe xác nhận thông tin

Tình huống: Anh Tanaka nghe nói ở Tokyo hôm qua có động đất, anh ấy đã nói với chị Akiko.

Tanaka: きのう東京で大きな地震があったって聞いたけど。

Akiko: そうですよ。

Ở tình huống trên người nói đã sử dụng câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* với mục đích muốn người nghe xác nhận thông tin. Mệnh đề chính ở đây đã bị tỉnh lược đi. Ta có thể khôi phục lai mệnh đề chính ở đây là: "それは本当なのですか" (Có đúng thế hay không?).

Ngoài cách sử dụng nhằm mục đích muốn người nghe xác nhận thông tin này, còn có thể quan sát thấy các cách nói khác như: "～という話だけど" hay "と書いてあるけど".

+ Trình bày ý kiến của mình với mục đích muốn người nghe đưa ra ý kiến

Tình huống: Anh Tanaka thấy chị Suzuki bị ốm nên đã nói như sau:

Tanaka: 病院へ行ったら、治ると思うけど。 (Tôi nghĩ rằng nếu đi bệnh viện sẽ khỏi được)

Suzuki: しかし、病院はとてもいやなもんだよ。 (Nhưng tôi rất ngại bệnh viện)

Ở đây người nói muốn đưa ra ý kiến của mình là nếu đi bệnh viện thì sẽ khỏi. Câu hỏi bị ẩn đi ở đây là "あなた、どう思うのか". (Chị nghĩ thế nào?)

1.2.2. Đưa ra thông tin trước khi yêu cầu, đề nghị

Chúng ta quan sát một tình huống trong bộ phim "Shall we dance".

Tình huống: Trong bữa tiệc dạ hội của lớp khiêu vũ.

Cô giáo Tamako: 相手がいないんだったら紹介してあげましょうか。 (Nếu anh chưa có ai nhảy cùng, tôi sẽ giới thiệu cho anh)

Anh Sugiyama: いや。もしよかったら、たま子先生と踊りたいんですけど。(Ồ không, nếu được thì tôi muốn nhảy cùng cô Tamako...)

Trong tình huống này ta có thể suy đoán nội dung đề nghị trong mệnh đề chính đã bị ẩn đi là: "一緒に踊っていただけませんか" (Cô nhảy cùng tôi chứ?). Bằng cách thức đơn thuần chỉ đưa ra thông tin, và sử dụng trợ từ *"kedo"* ở cuối câu, người nói khiến người nghe có thể tự suy đoán yêu cầu, đề nghị của mình. Người nói vẫn có thể thể hiện được sự kỳ vọng của mình vào đối tác mà không nhất thiết phải đề cập trực tiếp vấn đề, từ đó không quy trách nhiệm cho đối tác.

1.2.3. Cung cấp thông tin trước khi đưa ra đề xuất ý kiến

Với ý nghĩa này, có thể quan sát thấy nhiều trường hợp người nói sử dụng câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* để khẳng định ý kiến của mình nhưng với ẩn ý khuyên nhủ, đề xuất ý kiến đối với người nghe.

Tình huống: Thấy mẹ bị mệt

Con gái: 頭を冷やしたら、気持ちがいいと思うけど。 (Nếu mẹ chườm khăn lạnh, sẽ dễ chịu đấy)

2. Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* mang chức năng đối đáp trong cuộc thoại

Trong hội thoại, câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* có thể quan sát thấy chức năng đối đáp phát ngôn của đối tác.

Chúng tôi chia phát ngôn đối đáp làm hai loại là loại có câu trả lời trực tiếp và loại trả lời gián tiếp. Chẳng hạn với câu hỏi: "おなかがすいていますか" (Anh (chị) có đói không?), cách trả lời như: "はい、すいています" (Có đói) hoặc "いいえ、すいていません" (Không đói) là trả trực tiếp, cách trả lời như:

何も食べていないです" (Từ sáng tới giờ chưa ăn gì cả) là cách trả lời gián tiếp mà người nghe phải tự suy luận.

2.1. Câu kết thúc bằng trợ từ "kedo" mang ý nghĩa chức năng đối đáp lại ý kiến của đối tác.

Đối với loại câu này có thể chia nhỏ thành các loại như sau:

+ Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* mang ý nghĩa chức năng khẳng định hay phủ định ý kiến của đối tác.

Ví dụ:

Tình huống: Hai vợ chồng nói chuyện về đợt giảm giá ở siêu thị.

Chồng: バーゲンは安いとは限らないよ。 (Giảm giá không có nghĩa là rẻ đâu)

Vợ: そりゃまあ、そうだけどさ (Ừ, đúng thế...)

Có thể nói rằng ở trường hợp này, người vợ đưa ra lời đối đáp khẳng định ý kiến của người chồng. Tuy nhiên, nếu không có trợ từ *"kedo"*, chúng ta có thể hiểu người vợ hoàn toàn đồng tình ý kiến của người chồng. Trợ từ *"kedo"* được sử dụng ở cuối câu mang một ẩn ý phủ định lại ý kiến của người chồng. Ta có thể khôi phục ẩn ý này như sau: "時々安いものがあるよ" (Thỉnh thoảng cũng có cái rẻ đấy). Vậy câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* thể hiện ý nghĩa đồng tình với ý kiến của đối tác nhưng không phải là hoàn toàn đồng tình.

+ Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* mang ý nghĩa trực tiếp phủ định ý kiến của đối tác.

Chúng ta quan sát tình huống sau:

Tình huống: Hayashi và Yamashita bàn bạc về kế hoạch đi du lịch.

Hayashi: そりゃ、ベトナムですよ、ベトナム (Thế thì đi Việt Nam đi!)

Yamashita: ベトナムですか？私はタイもいいと思ったんだけど (Việt Nam à? Tôi nghĩ rằng Thái Lan cũng được đấy...)

Trong tình huống hội thoại trên, chúng ta có thể hiểu Yamashita muốn đi Thái Lan và phản đối ý kiến của Hayashi. Tuy nhiên, với cách sử dụng trợ từ *"kedo"* với ẩn ý "ベトナムのほうがいいかもしれない" (Cũng có thể đi Việt Nam hay hơn), tính chất phủ định trong câu đã được giảm nhẹ. Như chúng ta đều biết, người Nhật Bản có một truyền thống văn hoá luôn coi trọng mối quan hệ giữa con người với con người thể hiện ngay trong lời nói. Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* mang ý nghĩa làm giảm nhẹ tính chất phủ định, tránh gây tổn thương cho đối tác.

+ Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* mang ý nghĩa gián tiếp phủ định ý kiến của đối tác (nhấn mạnh ý nghĩa của mệnh đề chính bị ẩn đi)

Tình huống: Tomoko nhận được điện thoại của người yêu cũ đề nghị gặp mặt.

Yasuko: すぐ行けば、いいんじゃない。 (Cậu nên đi ngay đi)

Tomoko: 昔なら、すぐ行けたんだけどな。 (Nếu là ngày xưa thì mình đi ngay...)

Từ câu đối đáp có sử dụng trợ từ *"kedo"* ở cuối câu ta có thể suy đoán được nội dung của mệnh đề chính bị ẩn đi ở đây là: "今行かれない" (Bây giờ thì không thể đi). Với cách sử dụng câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"*, có thể nhấn mạnh được ý nghĩa cần thông báo (nằm ở mệnh đề chính bị ẩn đi) mà không cần phải nói rõ để tránh phủ định lại ý kiến của đối tác.

2.2. Câu kết thúc bằng trợ từ "kedo" mang ý nghĩa chức năng đối đáp lại tình huống cần phải cung cấp thông tin cho đối tác

2.2.1. Cách trả lời trực tiếp trong tình huống cần cung cấp thông tin cho đối tác

Tình huống: Hai người nói chuyện với nhau về tiền lương.

Hayashi: 給料安い？(Tiền lương rẻ lắm à?)

Kiyama: 安いってことな?いけど?(Cũng không phải là rẻ...)

Ở đây bằng việc sử dụng câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"*, Kiyama muốn truyền đạt cho Hayashi thông tin "安いわけではない" (Không phải là rẻ). Tuy nhiên ta có thể quan sát thái độ bất mãn và ẩn ý muốn truyền đạt của Kiyama là "決して多くはない" (Hoàn toàn chẳng nhiều gì). Vậy câu sử dụng trợ từ *"kedo"* như tình huống trên mang ý nghĩa bày tỏ thái độ của người nói.

2.2.2. Cách trả lời gián tiếp trong tình huống cần cung cấp thông tin cho đối tác

Tình huống: Hai vợ chồng đợi con trai đến hội trường tổ chức bữa tiệc.

Chồng: たろうのやつはまだ来ないのか。 (Taro chưa đến nhỉ)

Vợ: 必ず来るように言っておいたんですけど。 (Em đã nói là nhất định phải đến rồi...)

Trong câu trả lời của người vợ ở đây có thể suy đoán nội dung là "まだ来ていません" (Nó chưa đến). Tuy nhiên, trước thái độ không hài lòng của người chồng, người vợ sử dụng câu trả lời gián tiếp cho tình huống đó, để người chồng tự suy đoán nội dung của câu trả lời. Vậy trong trường hợp này câu kết thúc bằng

trợ từ *"kedo"* thể hiện ý nghĩa tránh thể hiện rõ câu trả lời cho kết quả làm cho đối tác không hài lòng.

2.3. Câu kết thúc bằng trợ từ "kedo" mang ý nghĩa chức năng đối đáp lại câu hỏi tiền đề

Câu hỏi tiền đề là câu hỏi được sử dụng để xác nhận thông tin làm tiền đề cho cuộc thoại. Ta quan sát lại tình huống đã nêu ở trên:

Tình huống: Anh cảnh sát phát hiện thấy một chiếc xe vi phạm quy định đỗ xe đã hỏi một nhà gần đó:

(1) Cảnh sát: 表の車、おたくたちの。 (Chiếc xe đằng trước kia của nhà anh à?)

Người chồng: 白いのですか。そうですけど。(Chiếc xe màu trắng à? Đúng vậy ạ...)

Câu hỏi: 表の車、おたくたちの。 (Chiếc xe đằng trước kia của nhà anh à?) là câu hỏi tiền đề mở đầu cho cuộc thoại. "そうですけど" là câu trả lời cho câu hỏi tiền đề này. Nhờ vào cách sử dụng trợ từ *"kedo"* ta có thể suy đoán được ẩn ý của người chồng là "どうぞ、おっしゃってください、伺います" (Có chuyện gì ạ? Xin mời anh cứ nói đi. Tôi nghe đây). Vậy câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* thể hiện thái độ hợp tác của người trả lời trước câu hỏi tiền đề, và từ đó có thể triển khai tiếp cuộc thoại.

2.4. Câu kết thúc bằng trợ từ "kedo" sử dụng trong tình huống không thể đối đáp lại câu hỏi của đối tác

Khi không thể trả lời, không muốn trả lời, hay không biết thông tin... về câu hỏi của đối tác, có thể sử dụng câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"*. Khi đó có thể

truyền đạt được ý sẵn sàng hợp tác với đối tác. Điều này có thể thấy qua tình huống sau:

Tình huống: Một người đi đường hỏi thăm anh Tanaka.

Người đi đường: すみません。この辺に公衆電話がありませんか。(Xin lỗi. Ở khu này có trạm điện thoại công cộng nào không ạ?)

Tanaka: さあ、ちょっと分からないんですけど (Tôi cũng không biết nữa...)

Trong tình huống này, anh Tanaka có thể trả lời: "さあ、ちょっと分からないです"(tôi không biết), khi đó cuộc thoại sẽ kết thúc ở đó, và kết quả là anh Tanaka không biết thông tin gì về câu hỏi của đối tác. Tuy nhiên, câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* được sử dụng ở đây có hàm ý: "何か言いたいことがあれば、どうぞ" (Nếu anh có gì hỏi nữa thì hỏi đi), thể hiện thái độ sẵn sàng hợp tác với đối tác.

III- Kết luận

Với những phân tích trình bày ở trên, chúng tôi tổng hợp ý nghĩa chức năng của câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* như sau:

+ Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* được sử dụng khi bắt đầu cuộc thoại

Ý nghĩa chức năng	Ví dụ	Ý nghĩa hàm ẩn
Trình bày ý kiến của người nói	A: きのう先生にそのことを言っておいたらいいけど。。。	Nhấn mạnh ý nghĩa của mệnh đề chính bị ẩn đi.

Ý nghĩa chức năng	Ví dụ		Ý nghĩa hàm ẩn
Cung cấp thông tin trước khi hỏi, yêu cầu, đề xuất ý kiến	Cung cấp thông tin trước khi phát ngôn với mục đích hỏi	A：日本の大学に入りたいんだけど．．． B:それじゃ、まず日本語能力試験に合格しなきゃいけないね。	Người nói mong muốn người nghe tự suy luận nội dung mà người nói muốn hỏi, đề nghị hay đề xuất ý kiến mà không đặt gánh nặng trách nhiệm, không gây khó chịu cho người nghe.
	Đưa ra thông tin trước khi yêu cầu, đề nghị	A:あのう、新しく買ったばかりのパソコンが動かないんだけど。 B:説明書はお読みになりましたか。	
	Cung cấp thông tin trước khi đưa ra ý kiến	A：咳がなかなか治らないのよ。 B：病院へ行ったらいいけど。	

+ Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* mang chức năng đối đáp trong cuộc thoại

Ý nghĩa chức năng	Ví dụ	Ý nghĩa hàm ẩn
Đối đáp lại ý kiến của đối tác.	A:久しぶり。 B:変わりないみたいね。 A:そうでもないけど。	Không hoàn toàn đồng ý với đối tác, hoặc tránh không nói rõ quan điểm phủ định ý kiến của đối tác.
Đối đáp lại tình huống cần phải cung cấp thông tin cho đối tác.	A:給料安い？ B:安いってことはないけど	Thể hiện thái độ của người nói hoặc tránh thể hiện rõ câu trả lời làm cho đối tác không hài lòng.
Đối đáp lại câu hỏi tiền đề	A:すみません。おばあさん、イノシシを見ませんでしたか。 B:見ましたけど。	Thể hiện thái độ hợp tác

Ý nghĩa chức năng	Ví dụ	Ý nghĩa hàm ẩn
Sử dụng trong tình huống không thể đối đáp lại câu hỏi của đối tác.	A:B さん、この漢字、何と読むの？ B:これ、見たことがないけど。	Thể hiện thái độ hợp tác

Câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"* là một trong những loại câu xuất hiện với tần xuất lớn trong hội thoại tiếng Nhật. Tuy nhiên, chắc chắn có nhiều người học tiếng Nhật chỉ sử dụng nó theo thói quen, hoặc bắt chước cách nói của người Nhật mà không hiểu rõ về ý nghĩa chức năng hàm ẩn trong cách dùng trợ từ *"kedo"* này. Chúng tôi hy vọng rằng bài viết này có thể giúp người học tiếng Nhật phần nào hiểu rõ hơn và sử dụng hiệu quả câu kết thúc bằng trợ từ *"kedo"*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) 内田安伊子、「けど」で終る文についての一考察、日本語教育 109 号

2) 丸山直子(1996)「話し言葉における文」「日本語学」

3) 大石初太郎(1971)「話し言葉論」

4)「日本語ビジネス会話」、「みんなの日本語」